

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 7 - 2025
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Ly hôn, nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Tuấn.

2. Bà Nguyễn Hồng Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị Mỹ T**, sinh năm: 1988 (có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Nhật K**, sinh năm: 1982 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **Ấp K, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp K, xã H, tỉnh An Giang).**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2025 và quá trình giải quyết vụ án, chị **Hồ Thị Mỹ T** là nguyên đơn trình bày:

Năm 2004, chị **T** và anh **K** tự nguyện kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn, chung sống đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống; cuối năm 2015, chị **T** và anh **K** không còn sống chung với nhau cho đến nay.

Quá trình chung sống chị **T** và anh **K** có 02 người con chung là cháu **Nguyễn Hải Đ**, sinh ngày 15/12/2005 và cháu **Nguyễn Bảo N**, sinh ngày 15/3/2012.

Theo đơn khởi kiện, chị **T** yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân yêu cầu được ly hôn với anh **K**. Về con chung: Chị **T** đồng ý để anh **K** nuôi dưỡng cháu **N**, đối với cháu **Đ** trên 18 tuổi và sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án, anh **Nguyễn Nhật K** là bị đơn trình bày:

Anh Khoa thừa nhận lời trình bày của chị **T** về thời điểm kết hôn, không đăng ký kết hôn, tình trạng hôn nhân và về con chung là đúng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị **T**, anh **K** có ý kiến như sau: Anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh đồng ý nuôi cháu **N**, không yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con, đối với cháu **Đ** trên 18 tuổi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị **Hồ Thị Mỹ T** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao con cho anh **Nguyễn Nhật K** nuôi dưỡng. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Khoa là bị đơn cư trú tại **xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã H, tỉnh An Giang)**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang.

Chị **T** và anh **K** đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **T** và anh **K** tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, kể từ năm 2004, quá trình chung sống anh, chị có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn là vi phạm về điều kiện kết hôn, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên, quan hệ hôn nhân giữa chị **T** và anh **K** là không hợp pháp, căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận chị **T** và anh **K** là vợ chồng.

Về con chung: Chị **T** và anh **K** có 02 người con là cháu **Nguyễn Hải Đ**, sinh ngày 15/12/2005 và cháu **Nguyễn Bảo N**, sinh ngày 15/3/2012. Theo biên bản hòa giải tại Tòa án, chị **T** và anh **K** thỏa thuận việc nuôi con khi ly hôn, cụ thể: Chị **T** đồng ý để anh **Đ** nuôi dưỡng cháu **N**, chị **T** không phải cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu; mặt khác, nguyện vọng của cháu **N** (trên 07 tuổi) ở với cha là anh **K**, sự thỏa thuận nuôi con giữa chị **T** và anh **K** phù hợp theo Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu **N** cho anh **K** nuôi dưỡng.

Chị **T** được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Đối với cháu **Đ** (trên 18 tuổi) chị **T** và anh **K** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **T** và anh **K** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị **T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị **Hồ Thị Mỹ T** và anh **Nguyễn Nhật K** là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Bảo N**, sinh ngày 15/3/2012 cho anh **Nguyễn Nhật K** được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng; chị **T** không phải cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu, chị **T** được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị **Hồ Thị Mỹ T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), do **Nguyễn Hải Đ** nộp thay, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013042 ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - An Giang); chị **T** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Hồ Thị Mỹ T** và anh **Nguyễn Nhật K** có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- THA tỉnh AG;
- VKS ND KV5;
- Phòng THA KV5;
- UBND xã HH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thanh Phát